

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TIỀN GIANG



THIỆT THỰC-HIỆU QUẢ-HÀI HÒA

**BẢN MÔ TẢ**  
**CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**  
**(Khóa 25)**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Luật**

Tên tiếng Anh: **Laws**

Mã ngành: **7380101**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Hình thức đào tạo: **Tập trung**

*(Ban hành theo Quyết định số 629/QĐ-ĐHTG ngày 09 tháng 9 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang)*

**Đồng Tháp, năm 2025**

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC  
NGÀNH LUẬT**

**Khóa 25**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 629/QĐ-ĐHTG ngày 09 tháng 9 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang)*

**PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Thông tin về chương trình đào tạo**

**1.1. Giới thiệu ngành học và chương trình đào tạo**

- Tên Chương trình đào tạo: **Đại học Luật**

+ Tên ngành: **Luật**

+ Tên tiếng Anh: **Laws**

- Mã ngành: **7380101**

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Loại hình đào tạo: Chính quy

- Thời gian đào tạo: 4 năm

- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: **Cử nhân Luật**

+ Tiếng Anh: **Bachelor of laws**

- Tham khảo đối sánh chương trình đào tạo:

+ Chương trình đào tạo đại học ngành Luật Trường Đại học Đà Lạt

+ Chương trình đào tạo đại học ngành Luật Trường Đại học Luật Hà Nội  
*(cập nhật theo chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực pháp luật trình độ đại học  
ban hành tại Quyết định số 678/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Bộ  
Giáo dục và Đào tạo)*

**1.2. Mục tiêu chung của chương trình đào tạo**

Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có sức khỏe; có kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội; có kiến thức toàn diện từ lý thuyết đến thực tiễn hệ thống pháp luật Việt Nam; nắm vững nguyên lý, quy luật xã hội liên quan đến pháp luật; có kỹ năng thực hành nghề nghiệp vững chắc; có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm; có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; có các kỹ năng mềm cần thiết để phát hiện, giải quyết những vấn đề trong công việc, cuộc sống; thích nghi với môi trường làm việc và có ý thức phục vụ nhân dân.

## **2. Chuẩn đầu vào**

Thực hiện theo Quyết định số 678/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực pháp luật trình độ đại học, cụ thể như sau:

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương;
- Tổng điểm xét tuyển tối thiểu đạt 60% điểm đánh giá tối đa của thang điểm, trong đó bảo đảm đánh giá được kiến thức Toán và Ngữ văn, hoặc Toán hoặc Ngữ văn đạt tối thiểu là 60% điểm đánh giá tối đa của thang điểm.

Người dự tuyển ngành Luật trình độ đại học phải đáp ứng các điều kiện trên, trừ trường hợp những người dự tuyển đã có bằng đại học được miễn các yêu cầu này.

## **3. Cấp bằng tốt nghiệp**

Thực hiện theo Quy định đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Trường Đại học Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 559/QĐ-ĐHTG ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang và các quy định hiện hành.

## **PHẦN II. MỤC TIÊU CỤ THỂ VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH**

### **1. Mục tiêu cụ thể**

#### **1.1. Kiến thức**

PO01: Vận dụng kiến thức cơ bản về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, tin học, ngoại ngữ để phục vụ cho học tập, nghiên cứu, giao tiếp.

PO02: Vận dụng kiến thức cơ sở và chuyên ngành để tham gia giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực pháp lý.

#### **1.2. Kỹ năng**

PO03: Có kỹ năng giải quyết vấn đề trong lĩnh vực pháp lý một cách khoa học, mang lại hiệu quả cao.

PO04: Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực pháp lý.

PO05: Có kỹ năng mềm, có năng lực số để làm việc trong các môi trường làm việc khác nhau; có kỹ năng sử dụng Tiếng Anh trong giao tiếp và trong công việc chuyên môn.

#### **1.3. Mức tự chủ và trách nhiệm**

PO06: Có thái độ đúng đắn, ý thức trách nhiệm cao, tác phong làm việc khoa học, có phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp.

PO07: Có năng lực tự chủ, tự học suốt đời; có khả năng giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; có thái độ chủ động và trách nhiệm trong việc xây dựng kế hoạch, điều phối công việc; thường xuyên tự đánh giá và sẵn sàng cải thiện hiệu quả làm việc.

PO08: Có ý thức học tập và rèn luyện để nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức mới trong quá trình hội nhập quốc tế để đáp ứng tốt yêu cầu công việc.

#### **1.4. Vị trí nghề nghiệp**

- *Chuyên viên* làm việc tại các cơ quan nhà nước; cơ quan Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội.

- *Nhân viên bộ phận pháp chế hoặc nhân sự* tại các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế;

- *Nhân viên tư vấn pháp lý, trợ lý pháp luật* tại các đơn vị cung cấp dịch vụ pháp lý như văn phòng công chứng, văn phòng luật sư, công ty luật, văn phòng thừa phát lại.

- *Giảng dạy* và nghiên cứu các lĩnh vực chuyên sâu thuộc lĩnh vực pháp luật tại các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp.

#### **1.5. Phát triển nghề nghiệp, học tập nâng cao trình độ**

- Tiếp tục học tập nâng cao và hoàn chỉnh kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu ở trình độ thạc sĩ, tiến sĩ về các chuyên ngành thuộc lĩnh vực luật học;

- Tiếp tục học để có thể được bổ nhiệm các chức danh tư pháp;

- Đủ năng lực để nghiên cứu chuyên sâu về khoa học pháp lý cũng như thực tiễn áp dụng pháp luật.

### **2. Chuẩn đầu ra**

Người học sau khi tốt nghiệp trình độ đại học đáp ứng các quy định về chuẩn đầu ra của Khung trình độ quốc gia Việt Nam, đồng thời đáp ứng yêu cầu năng lực tối thiểu sau đây:

#### **2.1. Kiến thức**

K01: Áp dụng được những kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, chuyển đổi số vào cuộc sống cũng như nghề nghiệp.

K02: Vận dụng được kiến thức cơ sở, kiến thức cốt lõi ngành để áp dụng trong thực tế.

K03: Vận dụng được kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức hoạt động pháp luật thực tế để tham gia, tư vấn, bào chữa các tranh chấp phát sinh và giám sát các hoạt động liên quan đến pháp luật của các chủ thể.

K04: Vận dụng được kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn liên quan đến pháp luật để quản lý, điều hành các cơ quan trong bộ máy nhà nước và các tổ chức kinh tế - xã hội.

#### **2.2. Kỹ năng**

S01: Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và quy định pháp luật; tư duy phản biện và lập luận pháp lý chặt chẽ, logic.

S02: Có năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam, có kỹ năng số bậc 6/8 theo Khung năng lực số cho người học được quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

S03: Có kỹ năng làm việc nhóm.

S04: Có khả năng giao tiếp và tương tác thân thiện, hiệu quả.

S05: Có kỹ năng thực hành nghề luật.

### 2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

A01: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ xác định trong lĩnh vực pháp lý; chủ động tham gia vào quá trình chuyển đổi số một cách có trách nhiệm.

A02: Chủ động lập kế hoạch, điều phối và tự đánh giá công việc; có trách nhiệm cải thiện hiệu quả thực hiện nhiệm vụ.

A03: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn trong lĩnh vực pháp lý và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

A04: Trung thành với Tổ quốc, có bản lĩnh chính trị và đạo đức nghề luật; thượng tôn pháp luật, bảo vệ công lý, quyền con người, lợi ích quốc gia; tận tâm phục vụ nhân dân, trung thực, liêm chính và cầu thị.

### 3. Ma trận đối sánh mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra												
	Kiến thức				Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm			
	K01	K02	K03	K04	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03	A04
PO01	x												
PO02		x	x	x									
PO03					x								
PO04									x				
PO05	x					x	x	x		x			
PO06													x
PO07										x	x		
PO08												x	

Ghi chú: Dấu (x) thể hiện chuẩn đầu ra đáp ứng mục tiêu.

## PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

### 1. Cấu trúc chương trình đào tạo

#### 1.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa

- Tổng số tín chỉ (TC) của chương trình: **159**

- Tổng số TC phải tích lũy tối thiểu : **127**

(Không tính các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh và các học phần điều kiện General English 1, General English 2).

## 1.2. Cấu trúc chương trình

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ tích lũy tối thiểu			Tỷ lệ (%)
		Bắt buộc	Tự chọn	Toàn bộ	
1	Kiến thức giáo dục đại cương	32	2	34	26,8
2	Kiến thức cơ sở ngành	16	2	18	14,2
3	Kiến thức cốt lõi ngành	56	6	62	48,8
4	Chuyên đề cuối khóa/ khóa luận cuối khóa		6	6	4,7
5	Thực tập, trải nghiệm	7		7	5,5
<b>Tổng cộng</b>		<b>111</b>	<b>16</b>	<b>127</b>	<b>100%</b>

## 2. Khung chương trình đào tạo

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT+ (MHP)
		LT	TL	TH	TT	ĐA	TS	TLTT	
<b>1. Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>									
<b>1.1. Lý luận Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh</b>						<b>11</b>	<b>11</b>		
00033	Triết học Mác-Lênin	45					3	3	
01202	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	30					2	2	00033+
02112	Chủ nghĩa xã hội khoa học	30					2	2	01202+
03212	Tư tưởng Hồ Chí Minh	30					2	2	02112+
03022	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	30					2	2	03212+
<b>1.2. Khoa học xã hội - Nhân văn - Nghệ thuật</b>						<b>10</b>	<b>6</b>		
00202	Logic học	30					2	2	00033+
73552	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực xã hội	28	4				2	2	
<b>Chọn tự do 1 (tích lũy tối thiểu 2 TC)</b>									
05022	Cơ sở văn hóa Việt Nam A	30					2	2	
05462	Tiếng Việt thực hành A	15	30				2		
15062	Tâm lý học đại cương	15	30				2		
<b>1.3. Ngoại ngữ</b>									
<b>1.3.1. Học phần điều kiện (*)</b>						<b>6</b>	<b>6*</b>		
08004	General English 1	60					4	4*	
08012	General English 2	30					2	2*	08004

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT <sup>+</sup> (MHP)
		LT	TL	TH	TT	ĐA	TS	TLTT	
<b>1.3.2. Học phần tích lũy</b>						<b>12</b>	<b>12</b>		
08024	English1	60					4	4	08012
08034	English2	60					4	4	08024 <sup>+</sup>
08044	English 3	60					4	4	08034 <sup>+</sup>
<b>1.4. Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên - Môi trường</b>						<b>5</b>	<b>5</b>		
11902	Con người và môi trường	30					2	2	
30093	Kỹ năng số	15		60			3	3	
<b>1.5. Giáo dục thể chất - Giáo dục quốc phòng và an ninh (*)</b>									
<b>1.5.1. Giáo dục thể chất</b>						<b>9</b>	<b>3*</b>		
12371	Thể dục và điền kinh			30			1	1*	
<b>Chọn tự do 2 (tích lũy tối thiểu 1 TC)</b>									
12391	Bóng chuyền 1			30			1	1*	
12401	Cầu lông 1			30			1		
12271	Đá cầu 1			30			1		
12411	Bóng rổ 1			30			1		
<b>Chọn tự do 3 (tích lũy tối thiểu 1 TC)</b>									
12441	Bóng chuyền 2			30			1	1*	
12481	Cầu lông 2			30			1		
12281	Đá cầu 2			30			1		
12461	Bóng rổ 2			30			1		
<b>1.5.2. Giáo dục quốc phòng và an ninh</b>						<b>8</b>	<b>8*</b>		
12813	Giáo dục quốc phòng I	45					3	3*	
12922	Giáo dục quốc phòng II	30					2	2*	
12931	Giáo dục quốc phòng III			30			1	1*	
12942	Giáo dục quốc phòng IV			60			2	2*	
<b>Tổng cộng khối kiến thức giáo dục đại cương</b>						<b>38</b>	<b>34</b>		
<b>2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>									
<b>2.1. Cơ sở ngành</b>						<b>22</b>	<b>18</b>		
71124	Lý luận Nhà nước và pháp luật	55	10				4	4	
71202	Lịch sử nhà nước, pháp luật và các học thuyết chính trị pháp lý	27	6				2	2	
71382	Nghề luật và đạo đức nghề luật	27	6				2	2	

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT <sup>+</sup> (MHP)
		LT	TL	TH	TT	ĐA	TS	TLTT	
71262	Lập luận pháp lý và kỹ năng viết trong nghề luật	27	6				2	2	
71294	Luật Hiến pháp Việt Nam	55	10				4	4	71124+
71792	Luật quốc tế về quyền con người	27	6				2	2	
<b>Chọn tự do 4 (tích lũy tối thiểu 2 TC)</b>									
71772	Luật Hiến pháp nước ngoài	27	6				2	2	
71322	Luật học so sánh	27	6				2		
71732	Pháp luật về thương mại điện tử	27	6				2		
<b>2.2. Cốt lõi ngành</b>							<b>80</b>	<b>62</b>	
71733	Luật Hành chính	40	10				3	3	71124+
71572	Luật Tổ tụng hành chính	15		30			2	2	71733+
71483	Luật Dân sự 1	40	10				3	3	71124+
71492	Luật Dân sự 2	28	4				2	2	71483+
71742	Luật Sở hữu trí tuệ	27	6				2	2	
71583	Luật Tổ tụng dân sự	30		30			3	3	71492+
71503	Luật Hình sự 1	40	10				3	3	71124+
71512	Luật Hình sự 2	28	4				2	2	71503+
71603	Luật Tổ tụng hình sự	30		30			3	3	71513+
71533	Luật Thương mại 1	40	10				3	3	71124+
71542	Luật Thương mại 2	28	4				2	2	71533+
71642	Luật Hôn nhân và Gia đình	25	10				2	2	
71193	Luật Lao động	40	10				3	3	
71263	Luật Đất đai	40	10				3	3	71492+
71272	Luật Môi trường	28	4				2	2	
71693	Thanh tra, khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng	40	10				3	3	71733+
71653	Công pháp quốc tế	40	10				3	3	
71662	Tư pháp quốc tế	25	10				2	2	
71672	Luật Thương mại quốc tế	27	6				2	2	
71502	Pháp luật cộng đồng ASEAN	27	6				2	2	
71022	Kỹ thuật xây dựng văn bản	15		30			2	2	

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT <sup>+</sup> (MHP)
		LT	TL	TH	TT	ĐA	TS	TLTT	
71622	Luật Tài chính	27	6				2	2	
71522	Tội phạm học	27	6				2	2	
<b>Chọn tự do 5 (tích lũy tối thiểu 2 TC)</b>									
71632	Luật Ngân hàng	27	6				2	2	
67422	Khởi nghiệp kinh doanh	28	4				2		
71802	Pháp luật kinh doanh bảo hiểm	27	6				2		71533+
71832	Luật Nhà ở và kinh doanh bất động sản	25	10				2		
<b>Chọn tự do 6 (tích lũy tối thiểu 2 TC)</b>									
71342	Công tác hộ tịch	25	10				2	2	
71432	Công tác thi hành án dân sự	25	10				2		71492+
71462	Công chứng, chứng thực	25	10				2		
71712	Công tác hòa giải - tuyên truyền pháp luật	25	10				2		
<b>Chọn tự do 7 (tích lũy tối thiểu 2 TC)</b>									
71452	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng	25	10				2	2	71492+
71752	Pháp chế doanh nghiệp	25	10				2		71533+
71762	Kỹ năng giải quyết các vụ án dân sự	25	10				2		71492+
71782	Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế	25	10				2		71533+
<b>2.3. Thực tập, trải nghiệm; Chuyên đề cuối khóa/Khóa luận</b>							<b>19</b>	<b>13</b>	
<b>2.3.1. Thực tập, trải nghiệm</b>							<b>7</b>	<b>7</b>	
71855	Thực tập				225		5	5	
71842	Trải nghiệm				90		2	2	
<b>2.3.2. Chuyên đề cuối khóa/Khóa luận</b>							<b>12</b>	<b>6</b>	
<b>Chọn định hướng (Chọn 1 trong 2 nhóm)</b>									
<b>Nhóm 1 (tích lũy tối thiểu 6 TC)</b>									
71844	Chuyên đề cuối khóa				180		4	6	
71422	Nghề luật sư và hoạt động tư vấn pháp luật	25	10				2		
<b>Nhóm 2 (tích lũy tối thiểu 6 TC)</b>									
71856	Khóa luận cuối khóa					360	6	6	
<b>Tổng cộng khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>							<b>121</b>	<b>93</b>	

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT+ (MHP)
		LT	TL	TH	TT	ĐA	TS	TLTT	
<b>Số tín chỉ tổng cộng: 159 TC, số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 127 TC</b>									

### **Các ký hiệu và viết tắt:**

(\*) Học phần điều kiện:

- Đối với các học phần điều kiện *General English 1, General English 2*: người học phải học và đạt để đủ điều kiện tham gia học các học phần của chương trình môn học tiếng Anh không chuyên có trong chương trình đào tạo, điểm của các học phần điều kiện này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy.

- Đối với các học phần điều kiện thuộc khối kiến thức *Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh*: người học phải học và đạt để đủ điều kiện xét tốt nghiệp, điểm của các học phần điều kiện này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy.

(\*\*) Khi cần, mã học phần thêm ký hiệu C ở cao đẳng, D ở đại học trong hệ thống tích hợp thông tin TGUIIS đối với học phần *General English 2*, phục vụ tổ chức giảng dạy ở 2 trình độ khác nhau.

- MHP (Mã học phần): Theo Quyết định số 472/QĐ-ĐHTG ngày 02 tháng 8 năm 2007 của Trường Đại học Tiền Giang ban hành về việc Quy định danh mục mã học phần đang giảng dạy ở Trường Đại học Tiền Giang.

- LT (Lý thuyết): Nghe giảng lý thuyết; nghe giảng phương pháp thực hành, nghe hướng dẫn thực hành, viết tiểu luận, viết khóa luận, làm đồ án ở lớp học (phòng học lý thuyết). Nghe thuyết trình, thảo luận chuyên đề (thay cho nghe GV giảng lý thuyết); tính theo tiết.

- TL (Thảo luận): Thảo luận (sau khi nghe giảng lý thuyết), giải bài tập, thực hành được tổ chức cùng loại hình lý thuyết ở lớp học lý thuyết, có GV hướng dẫn; tính theo tiết.

- TH (Thực hành): Người học thao tác thực hành ở lớp, phòng thực hành, sân bãi; thực hành ở phòng máy, phòng thí nghiệm, xưởng trường, cơ sở thực hành, sân bãi, tập giảng ở lớp có GV hướng dẫn; tính theo tiết.

- TT (Thực tập): Tự thực hành, thí nghiệm (không có GV hướng dẫn); kiến tập, thực tập ở cơ sở bên ngoài hay xưởng trong trường; tính theo giờ.

- ĐA (Đồ án): Thực hiện đồ án, tiểu luận, khóa luận, nghiên cứu tài liệu có viết báo cáo, tính theo giờ. Bao gồm cả tự học, tự nghiên cứu có hướng dẫn.

- TS (Tổng số): Số tín chỉ của học phần, của chương trình.

- TLTT (Tích lũy tối thiểu): Số tín chỉ người học phải tích lũy đủ trong nhóm học phần của từng khối kiến thức, của chương trình.

- HPTQ (Học phần tiên quyết), ký hiệu (MHP)

- HPHT (Học phần học trước), ký hiệu (MHP)<sup>+</sup>.

### 3. Kế hoạch chuẩn giảng dạy các học phần theo học kỳ của khóa học

Phụ lục I: Sơ đồ đào tạo

### 4. Ma trận phân bố chi tiết CĐR của CTĐT vào các học phần

#### 4.1. Bảng chi tiết CĐR của CTĐT

Số TT	Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR	Ghi chú
1	<b>KIẾN THỨC</b>		
1.1	<b>K01</b>	<b>Áp dụng được những kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, chuyển đổi số vào cuộc sống cũng như nghề nghiệp.</b>	
1.1.1	K01.1	Hiểu kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, quốc phòng - an ninh, văn hóa và môi trường để giải quyết các vấn đề thực tiễn.	
1.1.2	K01.2	Vận dụng được kiến thức về giáo dục thể chất nhằm có được sức khỏe để học tập và làm việc.	
1.1.3	K01.3	Vận dụng được kiến thức về kỹ năng số vào học tập, nghiên cứu, làm việc.	
1.1.4	K01.4	Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học xã hội phù hợp với chuyên ngành được đào tạo.	
1.2	<b>K02</b>	<b>Vận dụng được kiến thức cơ sở, kiến thức cốt lõi ngành để áp dụng trong thực tế</b>	
1.2.1	K02.1	Vận dụng kiến thức cơ bản về các nguyên lý, các học thuyết chính trị - pháp lý cơ bản, lý luận và lịch sử nhà nước - pháp luật, quyền con người, nghề luật và đạo đức nghề luật, lập luận và kỹ năng viết trong nghề luật làm nền tảng phát triển tư duy pháp lý.	
1.2.2	K02.2	Áp dụng được kiến thức cơ bản về luật hiến pháp và hành chính, luật hình sự, luật dân sự, luật kinh tế, luật quốc tế và các lĩnh vực liên quan để nhận diện, phân tích, lập luận và giải quyết các vấn đề pháp lý.	
1.3	<b>K03</b>	<b>Vận dụng được kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức hoạt động pháp luật thực tế để tham gia, tư vấn, bào chữa các tranh chấp phát sinh và giám sát các hoạt động liên quan đến pháp luật của các chủ thể</b>	
1.3.1	K03.1	Vận dụng được kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức hoạt động pháp luật thực tế để tham gia, tư vấn, bào chữa các tranh chấp phát sinh	
1.3.2	K03.2	Vận dụng được kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức hoạt	

Số TT	Ký hiệu CDR	Nội dung CDR	Ghi chú
		động pháp luật thực tế để giám sát các hoạt động liên quan đến pháp luật của các chủ thể khác	
1.4	K04	<b>Vận dụng được kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn liên quan đến pháp luật để quản lý, điều hành các cơ quan trong bộ máy nhà nước và các tổ chức kinh tế</b>	
1.4.1	K04.1	Vận dụng được kiến thức về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn liên quan đến pháp luật để quản lý, điều hành các cơ quan trong bộ máy nhà nước	
1.4.2	K04.2	Vận dụng được kiến thức về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn liên quan đến pháp luật để quản lý, điều hành các tổ chức kinh tế	
<b>2</b>	<b>KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT ĐẠO ĐỨC</b>		
2.1	S01	Có kỹ năng tóm tắt, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin, quy định pháp luật; Có tư duy phản biện trong phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề pháp lý; Có kỹ năng xây dựng và trình bày các lập luận pháp lý chặt chẽ, logic.	
2.1.1	S01.1	Có kỹ năng tóm tắt, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin, quy định pháp luật	
2.1.2	S01.2	Có tư duy phản biện trong phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề pháp lý	
2.1.3	S01.3	Có kỹ năng xây dựng và trình bày các lập luận pháp lý chặt chẽ, logic	
2.2	S02	Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; có năng lực ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin phục vụ công việc, tìm kiếm thông tin, tra cứu văn bản pháp luật trên môi trường internet và đáp ứng yêu cầu về năng lực số theo quy định hiện hành	
2.2.1	S02.1	Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	
2.2.2	S02.2	Có năng lực ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin phục vụ công việc, tìm kiếm thông tin, tra cứu văn bản pháp luật trên môi trường internet và đáp ứng yêu cầu về năng lực số theo quy định hiện hành	
2.3	S03	<b>Có kỹ năng làm việc nhóm</b>	
2.3.1	S03.1	Tổ chức hoạt động nhóm hiệu quả	

Số TT	Ký hiệu CDR	Nội dung CDR	Ghi chú
2.3.2	S03.2	Lãnh đạo, phát triển nhóm	
<b>2.4</b>	<b>S04</b>	<b>Có kỹ năng giao tiếp và tương tác thân thiện, hiệu quả</b>	
2.4.1	S04.1	Giao tiếp điện tử	
2.4.2	S04.2	Giao tiếp bằng văn bản	
2.4.3	S04.3	Thuyết trình	
2.4.4	S04.4	Lắng nghe và đối thoại	
2.4.5	S04.5	Đàm phán, thỏa hiệp và giải quyết xung đột	
<b>2.5</b>	<b>S05</b>	<b>Có kỹ năng thực hành nghề luật</b>	
2.5.1	S05.1	Phân tích, xử lý thông tin và tình huống	
2.5.2	S05.2	Tra cứu văn bản, tiếp cận, khai thác thông tin.	
2.5.3	S05.3	Tư duy pháp lý	
2.5.4	S05.4	Tư vấn, xây dựng lập luận pháp lý	
2.5.5	S05.5	Soạn thảo hợp đồng, văn bản pháp lý thông dụng	
<b>3</b>	<b>MỨC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM</b>		
<b>3.1</b>	<b>A01</b>	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ xác định trong lĩnh vực pháp lý; chủ động tham gia vào quá trình chuyển đổi số một cách có trách nhiệm.	
3.1.1	A01.1	Thực hiện công việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi	
3.1.2	A01.2	Thể hiện tinh thần trách nhiệm cá nhân, tập thể trong thực hiện công việc	
3.1.3	A01.3	Hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ thuộc lĩnh vực pháp lý	
3.1.4	A01.4	Chủ động tham gia vào quá trình chuyển đổi số một cách có trách nhiệm.	
<b>3.2</b>	<b>A02</b>	Chủ động lập kế hoạch, điều phối và tự đánh giá công việc; có trách nhiệm cải thiện hiệu quả thực hiện nhiệm vụ.	
3.2.1	A02.1	Sắp xếp thứ tự công việc hợp lý	
3.2.2	A02.2	Quản lý thời gian hợp lý	
3.2.3	A02.3	Tổ chức nguồn lực để hoàn thành công việc hiệu quả	
3.2.4	A02.4	Phát hiện vấn đề để hạn chế những kết quả không mong muốn	

Số TT	Ký hiệu CDR	Nội dung CDR	Ghi chú
3.3	A03	<b>Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn trong lĩnh vực pháp lý và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.</b>	
3.3.1	A03.1	Định hướng, nghiên cứu vấn đề một cách độc lập	
3.3.2	A03.2	Đưa ra kết luận chuyên ngành chuyên đúng đắn	
3.3.3	A03.3	Tích lũy kiến thức, kinh nghiệm thường xuyên để đáp ứng nghiệp vụ chuyên môn	
3.4	A04	Trung thành với Tổ quốc; có bản lĩnh, ý thức chính trị, tư tưởng vững vàng, đạo đức nghề luật chuẩn mực; có tinh thần thượng tôn pháp luật; ủng hộ đổi mới, bảo vệ công lý và quyền con người; có ý thức phục vụ nhân dân, phục vụ cộng đồng, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; trung thực, liêm chính, cẩn trọng, cầu thị, thấu hiểu	
3.4.1	A04.1	Trung thành với Tổ quốc	
3.4.2	A04.2	Có bản lĩnh, ý thức chính trị, tư tưởng vững vàng, đạo đức nghề luật chuẩn mực	
3.4.3	A04.3	Có tinh thần thượng tôn pháp luật; ủng hộ đổi mới, bảo vệ công lý và quyền con người	
3.4.4	A04.4	Có ý thức phục vụ nhân dân, phục vụ cộng đồng, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc	
3.4.4	A04.5	Trung thực, liêm chính, cẩn trọng, cầu thị, thấu hiểu	

## **4.2. Ma trận phân bố chi tiết CDR của CTĐT vào các học phần**

Phụ lục II: Ma trận phân bố chi tiết CDR của CTĐT vào các học phần

## **5. Đề cương chi tiết học phần**

Phụ lục III: Bộ đề cương chi tiết học phần của chương trình

## **6. Hướng dẫn thực hiện chương trình dạy học**

### **6.1. Thời gian đào tạo của các học phần**

- Mỗi học phần được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần (hay toàn phần) của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Mỗi học phần có một mã học phần riêng do Trường quy định.

- Có hai loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

### **6.2. Thời gian đào tạo của Chương trình**

a) Trường tổ chức đào tạo theo khoá học, năm học và học kỳ.

- Khóa học là khoản thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một chương trình cụ thể.

- Một năm học có 2 học kỳ chính. Trường có thể tổ chức thêm 1 học kỳ phụ để sinh viên có điều kiện được học lại, học cải thiện điểm, hoặc học tập chương trình môn học Giáo dục Quốc phòng -An ninh (mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần thực học, 2 tuần thi và chấm thi).

- Đầu học kỳ, Nhà trường công bố kế hoạch mở lớp học phần (trực tiếp hoặc trực tuyến) trên cơ sở kế hoạch giảng dạy của khóa ngành học, trong đó công khai đầy đủ các thông tin cần thiết, bảo đảm thuận tiện cho sinh viên xây dựng kế hoạch học tập và đăng ký học tập.

b) Căn cứ vào Khung kế hoạch giảng dạy trong chương trình đã được phê duyệt, Khoa Kinh tế- Luật phối hợp với Phòng Quản lý đào tạo xác định khối lượng giảng dạy từng học kỳ, năm học; xây dựng thời khóa biểu học kỳ và thông báo tới các đơn vị, giảng viên, sinh viên ít nhất 02 tuần trước học kỳ.

## **7. Thông tin cập nhật**

### **7.1. Cơ sở phát triển chương trình**

- Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học;

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

- Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Quyết định số 670/QĐ-ĐHTG ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Trường Đại học Tiền Giang về việc ban hành Quy định chương trình đào tạo của Trường Đại học Tiền Giang;

- Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định Khung năng lực số cho người học;

- Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Quyết định số 1504/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình phổ cập kiến thức, kỹ năng số cho người học trong các cơ sở giáo dục đại học;

- Kế hoạch số 924/KH-ĐHTG ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Trường Đại học Tiền Giang về việc Tổ chức rà soát, cập nhật, bổ sung và điều chỉnh chương trình đào tạo, chương trình dạy học áp dụng Khoá 25.

Bên cạnh đó, tổ xây dựng chương trình đào tạo còn dựa vào Quyết định số 678/QĐ-BGDĐT ngày 14/03/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo để cập nhật chương trình đáp ứng yêu cầu của chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực pháp luật trình độ đại học.

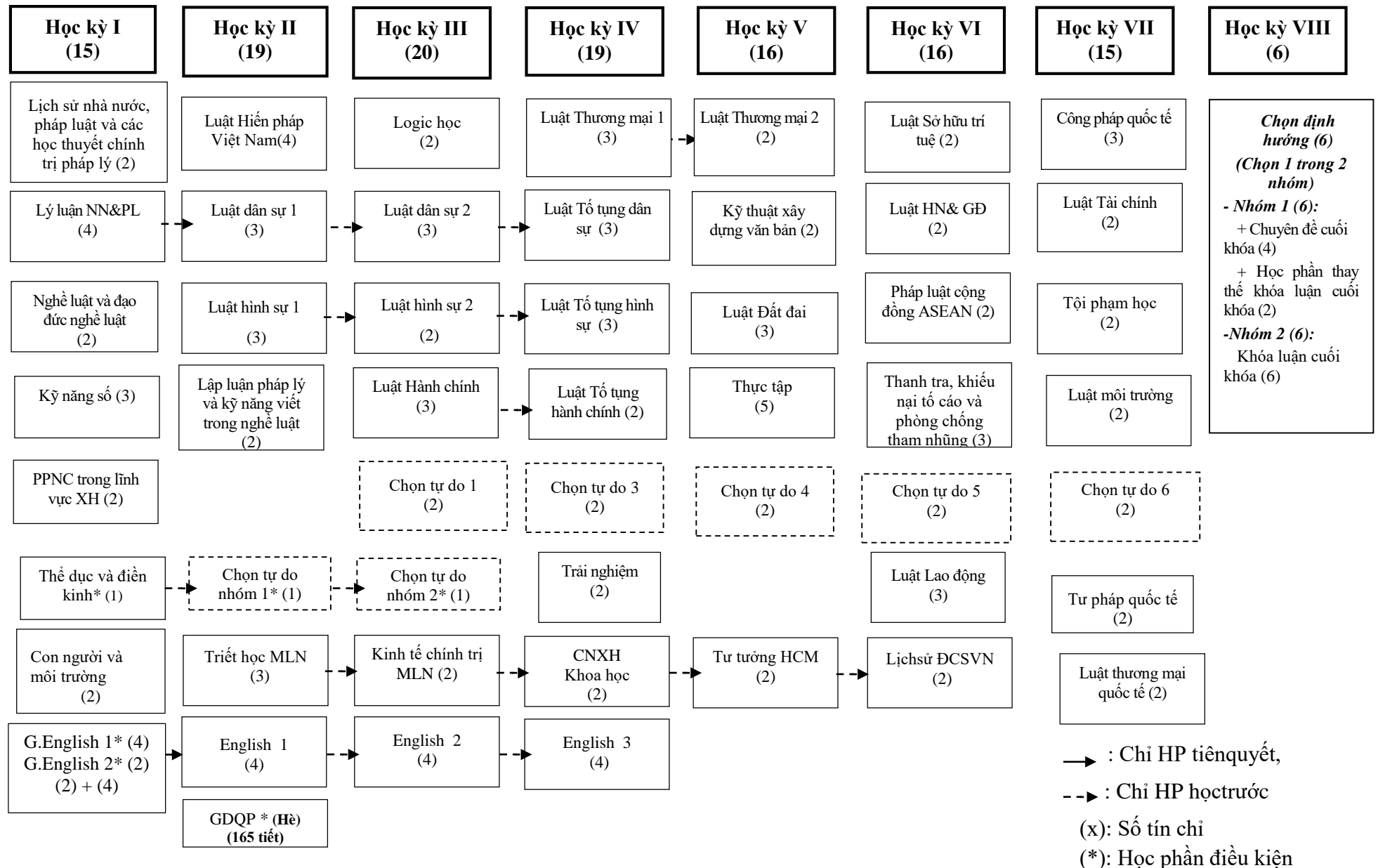
## **7.2. Thông tin kiểm định**

Chương trình đào tạo ngành Luật trình độ đại học đã hoàn thành tự đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

**PHỤ LỤC I:**

**SƠ ĐỒ ĐÀO TẠO TOÀN KHÓA HỌC  
CTĐT ĐẠI HỌC LUẬT**

## Phụ lục I: Sơ đồ đào tạo toàn khóa học CTĐT Đại học Luật - Khóa 25



**PHỤ LỤC II:**

**MA TRẬN PHÂN BỐ CHI TIẾT  
CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT VÀO  
CÁC HỌC PHẦN**





HK	Mã học phần	Tên học phần	CDR về Kiến thức và TĐNL được phân bổ cho học phần									
			K01				K02		K03		K04	
			K01.1	K01.2	K01.3	K01.4	K02.1	K02.2	K03.1	K03.2	K04.1	K04.2
VI	71742	Luật Sở hữu trí tuệ						2				
	71642	Luật Hôn nhân và Gia đình						2.5	2			
	71262	Pháp luật cộng đồng ASEAN						2				
	71693	Thanh tra, khiếu nại tố cáo và phòng chống tham nhũng						2,5		2		
	71342	Công tác hộ tịch						3	2			
	71432	Công tác thi hành án dân sự						2	2			
	71462	Công chứng, chứng thực						3	2			
	71712	Công tác hòa giải - tuyên truyền pháp luật						2	2			
	71193	Luật Lao động						2,5	2			
	3022	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2									
VII	71653	Công pháp quốc tế						2				
	71622	Luật Tài chính						2				
	71522	Tội phạm học						3				
	71272	Luật Môi trường						3				
	71452	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng						2,5	2			
	71752	Pháp chế doanh nghiệp										2
	71762	Kỹ năng giải quyết các vụ án dân sự						3	2			
	71782	Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế						3	2			
	71662	Tư pháp quốc tế						2				
	71672	Luật Thương mại quốc tế						2				
VIII	71844	Chuyên đề cuối khóa	3		3	3	3	3				
	71422	Nghề luật sư và hoạt động tư vấn pháp luật						3				
	71876	Khóa luận tốt nghiệp	3		3	3	3					

Ghi chú: 1. Ghi nhớ, 2. Hiểu, 3. Áp dụng, 4. Phân tích, 5. Đánh giá - sáng tạo





HK	Mã học phần	Tên học phần	CDR về kỹ năng, phẩm chất đạo đức																
			S01			S02		S03		S04					S05				
			S01.1	S01.2	S01.3	S02.1	S02.2	S03.1	S03.2	S04.1	S04.2	S04.3	S04.4	S04.5	S05.1	S05.2	S05.3	S05.4	S05.5
	08034	English 2			3	3													
IV	71533	Luật Thương mại 1	3	3	3			3	3						3	3	3	3	
	71583	Luật Tố tụng dân sự	3	3				3	3	3						3	3	3	
	71603	Luật Tố tụng hình sự	3	3				3	3							3	3	3	
	71572	Luật Tố tụng hành chính	3	3				3	3							3	3	3	
	71842	Trải nghiệm	3.5	3.5				3	3										
	2112	Chủ nghĩa xã hội khoa học						3	3										
	08044	English 3						3	3										
		Học phần tự chọn GDTC 3																	
V	71542	Luật Thương mại 2	3	3				3	3										
	71792	Luật quốc tế về quyền con người	3	3				3	3										
	71263	Luật Đất đai	3	3				3	3	3						3	3	3	
	71497	Thực tập						3	3										
	71632	Luật Ngân hàng	3	3				3	3							3	3	3	
	67422	Khởi nghiệp kinh doanh	3	3															
	71802	Pháp luật kinh doanh bảo hiểm						3	3							3	3	3	



HK	Mã học phần	Tên học phần	CDR về kỹ năng, phẩm chất đạo đức																	
			S01			S02		S03		S04					S05					
			S01.1	S01.2	S01.3	S02.1	S02.2	S03.1	S03.2	S04.1	S04.2	S04.3	S04.4	S04.5	S05.1	S05.2	S05.3	S05.4	S05.5	
VII	71653	Công pháp quốc tế	3	3				3	3							3	3	3		
	71622	Luật Tài chính								4						3	3	3		
	71522	Tội phạm học	4					4	4							4	4	4		
	71272	Luật Môi trường	3	3				3	3											
	71452	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng	3.5	3.5																
	71752	Pháp chế doanh nghiệp	3.5	3.5																3.5
	71762	Kỹ năng giải quyết các vụ án dân sự	3.5	3.5	3.5			3.5	3.5					3.5	3.5	3.5	3.5	3.5		
	71782	Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế	3	3	3			3	3					3.5	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
	71662	Tư pháp quốc tế	3					4	4								3	3	3	
	71672	Luật Thương mại quốc tế	3	3				3	3								3	3	3	
VIII	71844	Chuyên đề cuối khóa	3.5	3.5	3.5			3.5	3.5	3					3.5	3.5	3.5	3.5	3.5	
	71422	Nghề luật sư và hoạt động tư vấn pháp luật													3	3	3	3		
	71876	Khóa luận tốt nghiệp													3.5	3.5	3.5	3.5		

Ghi chú: 1. Bắt buộc, 2. Làm được, 3. Làm chính xác, 4. Phối hợp, 5. Thuần thực

**Phần 3. Mức tự chủ và trách nhiệm**

HK	Mã học phần	Tên học phần	CĐR về mức tự chủ và trách nhiệm													
			A01			A02				A03			A04			
			A01.1	A01.2	A01.3	A02.1	A02.2	A02.3	A.02.4	A03.1	A03.2	A03.3	A04.1	A04.2	A04.3	A.04.4
I	71202	Lịch sử nhà nước, pháp luật và các học thuyết chính trị pháp lý	2	2												
	71124	Lý luận Nhà nước và pháp luật	3	3						3					3	
	73552	Nghề luật và đạo đức nghề luật	3	3						3					3	
	30093	Kỹ năng số	2	2						3						
	73552	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực xã hội	3	3												
	12371	Thể dục và điền kinh*														2
	11902	Con người và môi trường														2
II	71294	Luật Hiến pháp Việt Nam	2	2						3	3				2	
	71483	Luật Dân sự 1	3	3						3	3				2	
	71503	Luật Hình sự 1	3	3						3	3				2	
	71262	Lập luận pháp lý và kỹ năng viết trong nghề luật	2								2				2	

HK	Mã học phần	Tên học phần	CDR về mức tự chủ và trách nhiệm													
			A01			A02				A03			A04			
			A01.1	A01.2	A01.3	A02.1	A02.2	A02.3	A.02.4	A03.1	A03.2	A03.3	A04.1	A04.2	A04.3	A.04.4
	71022	Kỹ thuật xây dựng văn bản											2			
	05022	Cơ sở văn hóa Việt Nam A														2
	05462	Tiếng Việt thực hành A														2
	15062	Tâm lý học đại cương														2
		Nhóm HP chọn tự do 1 (GDTC*)														
	00033	Triết học Mác-Lênin														2
	08024	English 1														2
		Giáo dục quốc phòng và an ninh*														
<b>III</b>	00202	Logic học	2	2												
	71492	Luật Dân sự 2	3	3						3	3					3
	71512	Luật Hình sự 2	3	3						3	3					2
	71733	Luật Hành chính	3	3						3	3					2
	71772	Luật Hiến pháp nước ngoài	2	2						2	2					





HK	Mã học phần	Tên học phần	CDR về mức tự chủ và trách nhiệm													
			A01			A02				A03			A04			
			A01.1	A01.2	A01.3	A02.1	A02.2	A02.3	A.02.4	A03.1	A03.2	A03.3	A04.1	A04.2	A04.3	A.04.4
	71693	Thanh tra, khiếu nại tố cáo và phòng chống tham nhũng				3	3	3	3	3	3	3	3	3		
	71342	Công tác hộ tịch				3	3	3	3	3	3	3	3	3		
	71432	Công tác thi hành án dân sự				3	3	3	3	3	3	3	3	3		
	71462	Công chứng, chứng thực				3	3	3	3	3	3	3	3	3		
	71712	Công tác hòa giải - tuyên truyền pháp luật				3	3	3	3	3	3	3	3	3		
	71193	Luật Lao động	3	3						3	3					
	03022	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam														3
VII	71653	Công pháp quốc tế	3	3						3	3					
	71622	Luật Tài chính				3	3						3	3		
	71522	Tội phạm học				3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	
	71272	Luật Môi trường	3	3						3	3					

HK	Mã học phần	Tên học phần	CDR về mức tự chủ và trách nhiệm														
			A01			A02				A03			A04				
			A01.1	A01.2	A01.3	A02.1	A02.2	A02.3	A.02.4	A03.1	A03.2	A03.3	A04.1	A04.2	A04.3	A.04.4	
	71452	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng			3						3	3	3	3	3	3	
	71752	Pháp chế doanh nghiệp	3			3					3	3	3	3	3	3	
	71762	Kỹ năng giải quyết các vụ án dân sự			3						3	3	3	3	3	3	
	71782	Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế			3						3	3	3	3	3	3	
	71662	Tư pháp quốc tế	3	3							3	3					
	71672	Luật Thương mại quốc tế				3	3	3	3	3	3	3	3	3			
VIII	71844	Chuyên đề cuối khóa				3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
	71422	Nghề luật sư và hoạt động tư vấn pháp luật				3	3	3	3	3	3	3	3	3			
	71876	Khóa luận tốt nghiệp				4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4

Ghi chú: 1. Tiếp nhận, 2 – Đáp ứng, 3.Đánh giá thừa nhận 4.Tổ chức thực hiện, 5. Đặc trưng hóa

